

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2025/DS-PT
Ngày: 12/9/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo

Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lương Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 90/2025/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5- thành phố Đà Nẵng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 300/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 360/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà *Tôn Nữ Mộng H*, sinh năm 1972; địa chỉ cũ: Khố phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ theo đơn vị hành chính mới: Khố phố M, phường B, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông *Nguyễn Đăng H1*, sinh năm 1978; địa chỉ cũ: Số I đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ theo đơn vị hành chính mới: Số I đường T, phường B, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông *Võ Nhật Q*, sinh năm 1999; địa chỉ cũ: Khố phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ theo đơn vị hành chính mới: Khố phố M, phường B, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đăng H1 - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án tóm tắt như sau:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Tôn Nữ Mộng H trình bày như sau:*

Ngày 15/12/2020 âm lịch, bà Tôn Nữ Mộng H có cho ông Nguyễn Đăng H1 vay số tiền 550.000.000đồng, không ghi thời hạn trả, không ghi lãi suất. Nhưng theo thỏa thuận thì hai bên có thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng và khoảng 2 đến 3 tháng ông H1 có chuyển khoản trả cho bà H từ 5 đến 10 triệu đồng nhưng bà H không nhớ rõ tổng số tiền là bao nhiêu.

Ngoài ra ngày 11/12/2023, ông Nguyễn Đăng H1 còn vay bà số tiền 70.000.000đồng, thời hạn trả là 30 ngày, không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng.

Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Hoàn T nợ nhưng ông chây ì không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đăng H1 phải trả số nợ gốc tổng cộng là 620.000.000đồng và trả lãi theo lãi suất 1,66% của số tiền 550.000.000đồng từ ngày 15/01/2021 âm lịch và của số tiền 70.000.000 đồng từ ngày 11/01/2024 cho đến nay, tổng cộng lãi là 203.644.000đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu ông H1 phải trả là 823.644.000đồng, bao gồm: Nợ gốc là 620.000.000đồng và nợ lãi là: 203.644.000đồng.

Bà H thừa nhận có nhận tiền chuyển khoản của Nguyễn Đăng H1 chuyển vào tài khoản A số 4225205020646 và Đ số tài khoản 0108535554. Những khoản tiền mà ông H1 chuyển khoản cho bà H là những khoản khác không liên quan đến hai khoản nợ mà ông H1 đã nợ bà. Vì ngoài việc ông H1 mượn có viết giấy thì những khoản tiền ông H1 mượn khác không ghi giấy hoặc là tiền bà H mang xe hoặc vàng của bà đi cầm cố, lấy tiền đưa cho ông H1 mượn và ông đã chuyển khoản trả lại cho bà để bà đi lấy xe và lấy vàng về. Bà H không chấp nhận theo yêu cầu trừ số tiền nhận qua tài khoản vào tiền ông Hoàn T nợ gốc cho bà, bà H chỉ chấp nhận trong số tiền ông H1 đã chuyển khoản thì bà có nhận lãi của hai khoản nợ trên cộng khoảng 300.000.000đồng. Tất cả những khoản tiền còn lại ông H1 chuyển khoản cho bà là tiền ông Hoàn trả gốc, lãi cho những khoản vay không có giấy tờ hoặc những lần mượn tài sản của bà đi cầm cố.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Đăng H1 trình bày:*

Ông Nguyễn Đăng H1 thừa nhận ngày 15/12/2020 âm lịch có vay của bà Tôn Nữ Mộng H số tiền 550.000.000 đồng, không ghi lãi suất. Nhưng theo thỏa thuận, mỗi tháng trả lãi là 10 triệu/100.000.000đồng. Ông H1 đã chuyển vào tài khoản của bà H để trả nợ.

Đối với số tiền 70.000.000đồng là ông H1 mượn dây chuyền vàng trắng của bà H đi cầm Tiệm cầm đồ P, tiệm vàng chuyển vào tài khoản ông 30.000.000đồng và chuyển vào tài khoản bà H 40.000.000đồng nhưng bà H yêu cầu ông viết giấy mượn số tiền 70.000.000đồng, số tiền 40.000.000đồng là ông trả cho bà H không ghi nội dung, trả gốc hay lãi ông không nhớ. Sau đó ông lấy vàng lại để trả cho bà H, thì ông có chuyển khoản trả gốc và lãi vào tài khoản con trai bà H là Võ Nhật Q hai lần là 84.000.000đồng.

Ông H1 thừa nhận ngoài hai lần vay có ghi giấy thì cũng có nhiều lần vay không ghi giấy, hoặc ông nhờ bà H mang xe và vàng của bà H đi cầm cố để lấy tiền đưa ông mượn, những khoản này ông trả tiền mặt và cũng có chuyển khoản nhưng không ghi rõ nội dung. Tổng số tiền ông H1 chuyển khoản trả cho bà H là 1.082.100.000đồng nên đề nghị sau khi trừ đi số tiền đã trả cho bà H thông qua tài khoản con trai bà là Võ Nhật Q, còn bao nhiêu trừ tất cả vào gốc, còn tiền lãi ông H1 thống nhất theo mức lãi suất là 1,66%/tháng của số tiền 550.000.000đồng từ ngày 15/01/2021 âm lịch và của số tiền 70.000.000đồng từ ngày 11/01/2024 theo yêu cầu của bà H.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án sơ thẩm số 90/2025/DS-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5- thành phố Đà Nẵng) đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Mộng H về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Nguyễn Đăng H1.

Buộc ông Nguyễn Đăng H1 có nghĩa vụ trả cho bà Tôn Nữ Mộng H số tiền 622.544.000đồng (Sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó: nợ vay gốc 550.000.000đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 15/12/2020 âm lịch và 70.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 11/12/2023 và lãi vay là 2.544.000đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Mộng H về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Nguyễn Đăng H1 đối với số tiền lãi là 201.100.000đồng (Hai trăm lẻ một triệu một trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 01/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Đăng H1 kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc chấp hành pháp luật và nội dung giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Do kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đăng H1, giữ nguyên Bản án

sơ thẩm số: 90/2025/DS-ST ngày 17/6/2025 của Toà án nhân dân thành phố Tam Kỳ (nay là Toà án nhân dân Khu vực 5- thành phố Đà Nẵng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Sau khi xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đăng H1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Nhật Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, hồ sơ đã thu thập đầy đủ, các đương sự và Viện kiểm sát đều đồng ý xét xử vắng mặt theo đơn của ông Q, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung, vắng mặt ông Q.

[2] Nội dung vụ án: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đăng H1 thì thấy:

[2.1] Về số tiền nợ gốc và lãi vay: Ông Nguyễn Đăng H1 xác nhận có vay của bà Tôn Nữ Mộng H số tiền tổng cộng là 620.000.000đ thông qua hai giấy mượn tiền, cụ thể là: Giấy mượn tiền ngày 15/12/2020 (âm lịch) số tiền 550.000.000 đồng và Giấy mượn tiền ngày 11/12/2023 số tiền 70.000.000đồng. Các bên thừa nhận, mặc dù giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng thực tế các bên có trả lãi cho nhau. Hiện nay, bà H và ông H1 thống nhất thời gian trả lãi là từ ngày vay cho đến nay và mức lãi suất phải trả là 1,66%/tháng tương ứng với 19,92%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[2.2] Quá trình trả nợ, bà Tôn Nữ Mộng H thừa nhận đối với khoản vay này ông H1 đã chuyển trả tiền lãi vào tài khoản của bà tổng cộng 300.000.000 đồng, trong khi đó ông H1 trình bày đã chuyển trả cho bà H tổng cộng là 1.082.100.000đồng. Xét thấy, bà H cho ông H1 vay mượn nhiều lần với số tiền và thời gian khác nhau, ông H1 chuyển khoản cho bà H nhiều lần nhưng không thể hiện nội dung chuyển khoản là trả nợ cho khoản nào, trả gốc hay lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 xác nhận có nợ của bà H nhưng không nhớ chính xác số tiền nợ phải trả, ông chỉ áng chừng số tiền phải trả cho bà H còn lại tầm 310.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và nghĩa vụ hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đăng H1.

[3] Tại giai đoạn phúc thẩm, không có tình tiết mới làm thay đổi nội dung của Bản án sơ thẩm, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử là không chấp nhận kháng cáo của ông H1.

[4] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đăng H1

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 90/2025/DS-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5- thành phố Đà Nẵng).

III. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Đăng H1 phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông H1 đã nộp tại Biên lai thu số 0000568 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông H1 đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- TAND Khu vực 5, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Vương Thảo Trần Thị Bé Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

